

- **Nội dung giới hạn kiểm tra học kì 1 lớp 7: Unit 1 – Unit 4**

### 1.Vocabulary: Unit 1 – Unit 4

No	V	N	ADJ	ADV	Meaning
1	collect	collection collector	collective		Sưu tầm/bộ sưu tầm Người sưu tầm
2	invite	invitation			Mời/ lời mời
3		<u>safety</u>	safe # <u>unsafe</u>	<u>safely</u> # <u>unsafely</u>	An toàn # không an toàn
4		health	healthy # <u>unhealthy</u>	healthily # unhealthily	Khỏe mạnh# không Khỏe mạnh
5		teeth/ tooth tooth <u>ache</u>			Răng Đau răng
6		stomach stomach <u>ache</u>			Bụng Đau bụng
7		head head <u>ache</u>			Đầu Đau đầu
8	interest		interested (+in) interesting		Quan tâm/ thú vị / hấp dẫn
9	excite		excited exciting	excitedly excitingly	Hào hứng/phấn khích
10	bore		bored boring		Buồn chán
11		Music Musician	musical		Âm nhạc/ nhạc sĩ/thuộc về âm nhạc
12	Perform	Performance			Trình diễn/ màn trình diễn
13		tradition	traditional	traditionally	Truyền thống
14	ease		easy # <u>uneasy</u>	easily	Đễ dàng/ không dễ dàng
15	conclude	conclusion			kết luận
16		drama	dramatic		gay cấn, kịch tính
17	volunteer		voluntary		tình nguyện
18	compete	competition competitor			cuộc thi đấu
19	donate	donation			tặng, quyên góp
20	danger		dangerous	dangerously	Nguy hiểm
21	provide	providence provider	provident		Cung cấp

## 2. Reading topics: Unit 1 – Unit 4

- 02 đoạn văn trong sách STUDENT'S BOOK nội dung HKI.

+ Unit 1\_Lesson 1\_ P.4 ; Unit 1\_Lesson 3\_ P.10

+ Unit 2\_Lesson 1\_ P.12 ; Unit 2\_Lesson 3\_ P.18

+ Unit 3\_Lesson 1\_ P.20

+ Unit 4\_Lesson 1\_ P.28

## 3. Transformation:

\* **Transformation: - 4 câu khác nhau theo ngữ pháp HK1 (đã được giới hạn)**

- like/ hobby

- It takes sb time to do sth = S + spend + time + V-ing

- Let's / Why don't we/ What about/ How about /should

- It's important for sb/ It's (not) a good idea for sb/ S + should (not)

- like ... than .... / prefer ...to

- Prepositions: in front of/ behind...

- V-ing ... + be + adj. / It's + adj + to V.